

Bản án số: 207/2018/DS-PT

Ngày: 30/8/2018

V/v: Tranh chấp quyền sở hữu tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đinh Như Lâm

*Các thẩm phán:* Bà Trần Thị Liên Anh

Bà Hoàng Thị Thu Lan

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Vương Thùy Dương – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hà Nội

***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội*** tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Mạnh Thắng - Kiểm sát viên

Trong ngày 30/8/2018, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 117/2018/TL - DSPT ngày 04/5/2018 về tranh chấp quyền sở hữu tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2018/DS - ST ngày 13/3/2018 của Toà án nhân dân huyện H, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 219/2018/QĐ-PT ngày 11/7/2018, giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn:*** Bà Nguyễn Thị Đ; sinh năm: 1942; Địa chỉ: Thôn Nh, xã Đg, huyện H, thành phố Hà Nội. Có mặt tại phiên tòa..

***Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:*** Ông Vũ Văn H, sinh năm: 1958. (*Giấy ủy quyền ngày 31/7/2018*). Có mặt tại phiên tòa.

***Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:*** Ông Dương Đức D, sinh năm: 1958 - Luật sư thuộc Văn phòng luật sư Đức Năng – Đoàn luật sư thành phố Hà Nội. Có mặt tại phiên tòa..

***2. Bị đơn:*** Ông Nguyễn Văn Ng, sinh năm 1973; Địa chỉ: Thôn Nh, xã Đ, huyện H, thành phố Hà Nội. Có mặt tại phiên tòa..

***Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:***

\* Ông Nguyễn Xuân B, sinh năm: 1974 – Luật sư thuộc Văn phòng luật sư Hồng Phúc – Đoàn luật sư thành phố Hà Nội. Có mặt tại phiên tòa.

\* Bà Tống T, sinh năm: 1976 - Luật sư thuộc Văn phòng luật sư H – Đoàn luật sư thành phố Hà Nội. Vắng mặt tại phiên tòa.

**3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

3.1. Bà Lê Bích Th, sinh năm 1975. Có mặt tại phiên tòa.

3.2. Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1995. Vắng mặt tại phiên tòa..

3.3. Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1963. Có mặt tại phiên tòa.

3.4. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1970. Có mặt tại phiên tòa.

3.5. Bà Trần Thị T, sinh năm 1965. Có mặt tại phiên tòa.

3.6. Bà Nguyễn Thị p, sinh năm 1974. Vắng mặt tại phiên tòa.

3.7. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1965. Có mặt tại phiên tòa.

3.8. Bà Nguyễn Thị LL, sinh năm 1968. Có mặt tại phiên tòa.

Bà Th, anh Quang, ông Ngân, ông Thử, bà Toàn, bà Phương, bà Lý, bà Ly cùng địa chỉ: Thôn Nh, xã Đ, huyện H, thành phố Hà Nội.

3.9. Chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1997; Địa chỉ: Xóm 1, xã T, huyện Q, thành phố Hà Nội. Vắng mặt tại phiên tòa.

Do có kháng cáo của ông Nguyễn Văn Ng là bị đơn trong vụ án.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

**Theo án sơ thẩm vụ án có nội dung như sau:**

***\*Tại Đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Vũ Văn H trình bày:***

Bà và chồng là ông Nguyễn Văn TT (đã chết năm 2007) có chung hộ khẩu với gia đình con trai út là anh Nguyễn Văn Ng. Năm 1999, nhà nước có chủ trương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp cho các gia đình. Vợ chồng ông bà đã thống nhất để anh Nguyễn Văn Ng đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N 342689, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01181 QSDĐ/số 65 QĐ/UB do Ủy ban nhân dân huyện H cấp ngày 04/10/1999 (thửa đất số 57, tờ bản đồ số 2, diện tích 889m<sup>2</sup>, tương đương 2 sào 7 thước rưỡi) tại thôn Nhuệ, xã Đức Thượng, huyện H, tỉnh Hà Tây (nay là thành phố Hà Nội). Ngày 07/10/2006, lúc đó ông Tân còn sống, gia đình đã họp và thống nhất phân chia quyền sử dụng đất như sau: Anh Nguyễn Văn Ng được sử dụng 432m<sup>2</sup> (tương đương 1 sào 3 thước); bà Nguyễn Thị Đ được sử dụng 457 m<sup>2</sup> (tương đương 1 sào 4 thước rưỡi). Biên bản cuộc họp trên có chữ ký của các thành viên trong gia đình (trong đó có anh Nguyễn Văn Ng và vợ là chị Lê Bích Th ký tên) và xác nhận của cơ sở thôn Nhuệ, Ủy ban nhân dân xã Đức Thượng, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

Tháng 8 năm 2017, nhà nước đã có chủ trương thu hồi mảnh đất trên để xây dựng Cảng cạn Mỹ Đình. Theo phương án chi tiết bồi thường hỗ trợ giải phóng mặt bằng (kèm theo Quyết định số 6641/QĐ-UBND ngày 08/8/2017 của UBND huyện H) thì gia đình bà Đ được bồi thường tổng số tiền là 659.206.000 đồng (*Sáu trăm năm mươi chín triệu, hai trăm lẻ sáu ngàn đồng chẵn*). Nay, bà yêu cầu Tòa án giải quyết để bà được hưởng số tiền bồi thường thu hồi ( $457m^2$ ) trong số tiền bồi thường  $889m^2$  theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N 342689 do UBND huyện H cấp ngày 04/10/1999 (Thửa đất số 57, tờ bản đồ số 2) và theo biên bản họp gia đình ngày 07/11/2006 tương đương với số tiền là 454.246.000đ (*Bốn trăm năm mươi tư triệu, hai trăm bốn mươi sáu nghìn đồng*).

**\*Tại Bản tự khai, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn là anh Nguyễn Văn Ng trình bày:** Về quan hệ giữa anh và bà Nguyễn Thị Đ, anh hoàn toàn nhất trí với lời trình bày của bà Đ cụ thể: Anh là con trai của bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1942, và ông Nguyễn Văn TT, sinh năm 1942 (Đã mất năm 2007). Năm 1993, anh kết hôn với chị Lê Bích Th, sinh năm 1975. Năm 1994, bố mẹ anh đứng lên để phân chia đất nông nghiệp cho vợ chồng anh, cụ thể tiêu chuẩn của anh là được 1 sào 3 thước (tương đương  $432m^2$ ) vì vợ anh không phải là người địa phương nên bố mẹ anh đã thống nhất với tất cả các con (anh, chị, em của anh) cho vợ chồng anh thêm 1 sào 4,0 thước (tương đương  $456 m^2$ ). Việc bà Đ và ông Tân cho đất chỉ nói miệng, có sự chứng kiến của gia đình là ông Tân, bà Đ và 05 anh, chị, em anh gồm: Ông Nguyễn Văn N (Cự), sinh năm 1963, bà Nguyễn Thị LL (Hiền), sinh năm 1965, bà Nguyễn Thị L sinh năm 1968, ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1970. Sở dĩ lúc này bố mẹ anh chỉ phân chia đất nông nghiệp cho một mình anh là do trước đó các anh, chị của anh khi xây dựng gia đình xong thì bố mẹ đều đã giao lại phần đất nông nghiệp theo tiêu chuẩn của mỗi người. Khi bố mẹ phân chia đất nông nghiệp cho anh cả gia đình đều biết và không ai có ý kiến gì. Ngay sau đó, anh đã làm thủ tục để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N342689 do UBND huyện H cấp ngày 04/10/1999 đứng tên Nguyễn Văn Ng với diện tích đất  $889m^2$ , tại tờ bản đồ số 02, thửa số 57 tại Thôn Nh, xã Đg, huyện H, thành phố Hà Nội. Từ năm 1994 đến nay vợ chồng anh sử dụng ổn định và đóng thuế đất đầy đủ cho Nhà Nước, không có tranh chấp gì với các hộ liền kề.

Năm 2008 anh đã chuyển nhượng một phần diện tích đất trên là  $240m^2$  cho ông Nguyễn Phú Dư, tại địa chỉ: thôn Cự Quán, Đức Thượng, Hoài Đức, Hà Nội với giá là 40.000.000đ (*Bốn mươi triệu đồng*). Việc chuyển nhượng này cả gia đình ông đều biết và đến nay cũng không ai có ý kiến gì. Diện tích còn lại sau chuyển nhượng là  $649m^2$ .

Ngày 07/10/2006, (*trước khi bố anh mất*), bố mẹ anh đã họp gia đình để thống nhất lại việc phân chia đất cho các con bao gồm cả đất ở, đất canh tác và đất rau xanh. Riêng đối với diện tích  $889m^2$  đất nông nghiệp tại thôn Nhuệ (hay còn gọi là đất *hạ xá, địa mới*) đứng tên anh Nguyễn Văn Ng thì bố anh đã nói là để lại 1 sào 4 thước rưỡi để mẹ anh trồng lúa lấy thóc ăn. Còn việc quản lý, định đoạt thì vẫn do anh quyết định. Bà Đ chỉ được canh tác chứ không được lấy lại phần đất

này. Khi bố anh mất thì vợ chồng anh vẫn là người nộp thuế và quản lý đối với diện tích đất 889 m<sup>2</sup> tại thôn Nhuệ và bà Đ cùng các anh, chị, em cũng không ai có ý kiến gì.

Khoảng giữa năm 2016, Nhà nước có chủ trương thu hồi diện tích đất trên để thực hiện dự án đầu tư xây dựng Cảng cạn ICP Mỹ Đình thì lúc này bà Đ vẫn ở cùng với vợ chồng anh. Diện tích thuộc diện thu hồi là 649 m<sup>2</sup>. Thời điểm kê khai nhân khẩu phục vụ cho việc thu hồi đất thì gia đình anh có 04 nhân khẩu thực tế gồm: Anh, mẹ anh là bà Nguyễn Thị Đ, vợ anh là Lê Bích Thọ và cháu Nguyễn Văn Q (con anh).

Đến thời điểm hiện tại, Ủy ban nhân dân huyện H đã có Quyết định về việc phê duyệt phương án chi tiết bồi thường hỗ trợ giải phóng mặt bằng đối với diện tích 649 m<sup>2</sup> đất nông nghiệp của anh. Tuy nhiên Quyết định này cũng như tiền bồi thường thu hồi đất thì anh chưa nhận được, số tiền bồi thường cụ thể là bao nhiêu thì anh cũng không nắm được. Do có việc khởi kiện của bà Đ đối với anh về việc thanh toán tiền bồi thường thu hồi đất nên Ủy ban nhân dân huyện H chưa làm thủ tục chi trả tiền bồi thường thu hồi đất cho anh.

Việc bà Đ khởi kiện anh về việc thanh toán tiền bồi thường thu hồi đất thì quan điểm của anh là không đồng ý. Vì phần diện tích đất bị thu hồi đứng tên của anh. Nguồn gốc đất này có một phần là đất của bố mẹ anh tuy nhiên bố mẹ anh đã tự nguyện tặng cho anh từ năm 1994. Anh đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sử dụng ổn định từ năm 1999 đến nay. Nếu bà Đ đồng ý rút đơn khởi kiện anh đồng ý dành 1/5 số tiền được nhận từ việc bồi thường thu hồi đất nông nghiệp cho bà Đ. Trường hợp bà Đ không rút đơn khởi kiện thì anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

***\*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là chị Lê Bích Th trình bày:***

Chị là vợ anh Nguyễn Văn Nghiên, về nội dung cũng như quan điểm của anh Nghiên, chị nhất trí và không có yêu cầu, đề nghị gì khác.

***\*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Văn Q và chị Nguyễn Thị V trình bày:***

Anh chị là con của ông Nguyễn Văn Ng và bà Lê Bích Th. Anh chị nhất trí với lời trình bày của ông Nghiên và bà Th đã khai tại Tòa. Anh chị đề nghị Tòa án xác định diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi là của ông Nguyễn Văn Ng. Đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ.

***\*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Văn N (tên gọi khác là Cự), anh Nguyễn Văn T, chị Trần Thị T, chị Nguyễn Thị Phươn, chị Nguyễn Thị L và chị Nguyễn Thị LL trình bày:***

Anh chị là con trai, con gái và con dâu của ông Nguyễn Văn TT và bà Nguyễn Thị Đ. Anh chị nhất trí với lời trình bày của bà Đ đã khai tại Tòa và khẳng định ngày 07/10/2006, lúc đó ông Tân còn sống và minh mẫn, gia đình đã họp và

thống nhất phân chia quyền sử dụng đất cho các con trai trong đó có phân chia đất nông nghiệp cho anh Nghiên và bà Đ như sau: Anh Nguyễn Văn Ng được sử dụng 432m<sup>2</sup> (tương đương 1 sào 3 thước); bà Nguyễn Thị Đ được sử dụng 457 m<sup>2</sup> (tương đương 1 sào 4 thước rưỡi). Biên bản cuộc họp trên có chữ kí của các con trai là anh Nguyễn Văn N (Cụ), anh Nguyễn Văn T, anh Nguyễn Văn Ng, các con dâu là chị Trần Thị T, chị Nguyễn Thị p, chị Lê Bích Th, có mời một số người làm chứng và có xác nhận của cơ sở thôn Nhuệ, Ủy ban nhân dân xã Đức Thượng. Nay diện tích đất trên bị thu hồi thì các anh chị đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đ, cho bà Đ được hưởng tiền bồi thường thu hồi đất tương đương với diện tích bị thu hồi là 457m<sup>2</sup>. Vì lý do công việc bận nên các anh chị xin được vắng mặt trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa xét xử vụ án. Ngoài ra anh chị không có yêu cầu hoặc đề nghị gì khác.

***\* Người làm chứng là bà Trần Thị Q, ông Nguyễn Văn C và ông Nguyễn Văn Qu trình bày:***

Các ông bà có quan hệ là họ hàng trong nội tộc với gia đình ông Nguyễn Văn TT và bà Nguyễn Thị Đ. Ngày 07/10/2006, lúc đó ông Tân còn sống và minh mẫn đã tổ chức cuộc họp gia đình và có mời các ông bà tham gia, ông Quy là người trực tiếp viết biên bản cuộc họp. Nội dung cuộc họp là phân chia quyền sử dụng đất cho các con trai trong đó có phân chia đất nông nghiệp cho anh Nghiên và bà Đ. Các ông bà khẳng định nội dung trong biên bản cuộc họp gia đình ông Tân , bà Đ ngày 07/10/2006 là đúng sự thật, có sự đồng ý và ký tên của các con trai và con dâu của ông Tân và bà Đ là anh Ngân (Cụ), anh Thứ, anh Nghiên, chị Toàn, chị Phương và chị Thọ.

**Bản án sơ thẩm số 03/2018/DS - ST ngày 13/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện H đã quyết định:**

\* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về tranh chấp quyền sở hữu tài sản của bà Nguyễn Thị Đào đối với anh Nguyễn Văn Nghiên.

\* Xác nhận bà Nguyễn Thị Đào được hưởng số tiền bồi thường khi UBND huyện H, thành phố Hà Nội thu hồi Thửa đất số 57, tờ bản đồ số 02 Thôn Nh, xã Đg, huyện H, thành phố Hà Nội tương đương diện tích 457m<sup>2</sup> là 454.246.000đ (Bốn trăm năm mươi tư triệu, hai trăm bốn mươi sáu nghìn đồng). Bà Đ được hưởng số tiền lãi phát sinh từ số tiền nêu trên (nếu có).

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, bà Nguyễn Thị Đào, anh Nguyễn Văn Ng có trách nhiệm liên hệ UBND xã Đức Thượng, UBND huyện H, thành phố Hà Nội và Chi nhánh Trung tâm Phát triển Quỹ đất huyện H, thành phố Hà Nội để nhận số tiền bồi thường thu hồi đất nêu trên theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Không nhất trí với quyết định của bản án sơ thẩm, ngày 14/3/2018 bị đơn là ông Nguyễn Văn Ng kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên toà hôm nay:

Bị đơn là anh Nguyễn Văn Ng trình bày anh vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo đề nghị Tòa án trả lại tài sản cho anh theo như giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho anh và anh đồng ý hỗ trợ cho bà Nguyễn Thị Đ số tiền 200.000.000 đ (Hai trăm triệu đồng).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là Luật sư Biên trình bày: diện tích đất nông nghiệp 889 m<sup>2</sup> đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N342689 do Ủy ban nhân dân huyện H cấp ngày 04/10/1999 đứng tên anh Nguyễn Văn Ng tại tờ bản đồ số 02, thửa số 57 tại Thôn Nh, xã Đg, huyện H, thành phố Hà Nội; trong quá trình sử dụng anh Nghiên là người đã nộp nông sản đầy đủ cho hợp tác xã nông nghiệp và anh Nghiên cũng đã bán một phần diện tích đất nông nghiệp này cho người khác bà Đ và các anh chị của anh Nghiên không có ý kiến phản đối. Như vậy anh Nghiên đã thực hiện quyền quản lý sử dụng, chiếm hữu định đoạt diện tích đất nông nghiệp mà anh Nghiên đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng; vì vậy việc bà Nguyễn Thị Đ khởi kiện yêu cầu được hưởng số tiền bồi thường tương đương diện tích đất 457 m<sup>2</sup> là không có căn cứ.

Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Đ có mặt tại phiên tòa và ủy quyền cho người đại diện là ông Vũ Văn H, ông H trình bày ông không đồng ý với kháng cáo của bị đơn và ông cũng không đồng ý với việc anh Nghiên hỗ trợ cho bà Đ số tiền 200.000.000 đ (Hai trăm triệu đồng); ông H vẫn yêu cầu yêu cầu bà Đ được hưởng số tiền bồi thường tương đương diện tích đất nông nghiệp 457 m<sup>2</sup> cụ thể số tiền theo phương án chi tiết bồi thường giải phóng mặt bằng là: Bồi thường về đất 457 m<sup>2</sup> x 162.000 đồng/01m<sup>2</sup> = 74.034.000 đồng; bồi thường chuyển đổi nghề và tạo việc làm 457 m<sup>2</sup> x 810.000 đồng/01m<sup>2</sup> = 370.170.000 đồng; thưởng tiền độ bàn giao mặt bằng 457 m<sup>2</sup> x 3.000 đồng/01m<sup>2</sup> = 1.371.000 đồng; tổng cộng: 445.575.000 đồng; đối với số tiền hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất và bồi thường, hỗ trợ về tài sản gắn liền với đất thu hồi bà Đ không yêu cầu.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là Luật sư Diện trình bày: Về nguồn gốc của thửa đất số 57, tờ bản đồ số 202 tại Thôn Nh, xã Đg, huyện H, thành phố Hà Nội có diện tích 889 m<sup>2</sup> khi ông Tân, bà Đ còn ở chung với anh Nghiên; đất này là đất nông nghiệp do gia đình ông Nguyễn Văn TT và bà Nguyễn Thị Đ được cấp đất theo nghị định 64/CP của Chính Phủ năm 1993 chia cho 07 khẩu – 05 lao động. Việc anh Nghiên đứng tên trong giấy chứng nhận là do ông Tân và bà Đ ở cùng với anh Nghiên và theo tiêu chuẩn thì anh Nghiên được chia đất nông nghiệp là 1 sào 3 thước nên diện tích đất nông nghiệp có trong giấy chứng nhận là cả phần diện tích đất nông nghiệp của bà Đ. Ngày 07/10/2006, gia đình ông Tân, bà Đ có họp gia đình lập biên bản phân chia thửa đất số 57, tờ bản đồ 02 tại Thôn Nh, xã Đg, huyện H, thành phố Hà Nội có diện tích 889 m<sup>2</sup> cho anh Nghiên và bà Đ; biên bản này có sự chứng kiến của người trong dòng họ, xác nhận của cán bộ thôn và Ủy ban nhân dân xã Đức Thượng và có chữ ký của anh Nghiên cùng với chị Thọ; biên bản này có nội dung đúng pháp luật, có tình có lý và ngày

04/01/2008 bà Đ cũng đã làm đơn đề nghị Ủy ban nhân dân xã Đức Thượng làm thủ tục tách thửa đất những chưa thực hiện được. Việc anh Nghiên nộp sản phẩm cho hợp tác xã không chứng minh là anh Nghiên có quyền chiếm hữu đất. Việc bà Nguyễn Thị Đ khởi kiện yêu cầu được hưởng số tiền bồi thường tương đương diện tích đất 457 m<sup>2</sup> là có căn cứ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử và các đương sự tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ án đã đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự sửa bản án sơ thẩm về số tiền hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất, số tiền bồi thường, hỗ trợ về tài sản gắn liền với đất thu hồi (lúa tẻ) theo phương án chi tiết bồi thường giải phóng mặt bằng cần giao cho anh Nghiên.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa Nhận thấy:

**Về hình thức:** Bị đơn là anh Nguyễn Văn Ng làm đơn kháng cáo trong hạn luật định, đã nộp dự phí kháng cáo về hình thức là hợp lệ.

#### **Về nội dung:**

Nguồn gốc diện tích 899m<sup>2</sup> đất nông nghiệp đang có tranh chấp tại thửa 57, tờ bản đồ số 02 thôn Nhuệ, xã Đức Thượng, huyện Hoài Đức, TP. Hà Nội các đương sự đều thừa nhận do Nhà nước cấp cho hộ gia đình ông Nguyễn Văn Tân và bà Nguyễn Thị Đào, được thể hiện ở trang 35, quyền 4 Sổ địa chính của xã Đức Thượng lập năm 1993, cụ thể: thửa 285 xứ đồng Phú Trị diện tích 288m<sup>2</sup>; thửa 268 xứ đồng Phú Trị diện tích 384m<sup>2</sup>; thửa 14 xứ đồng Hàng Dầu diện tích 432m<sup>2</sup>; thửa 111 xứ đồng Điều Mới diện tích 900m<sup>2</sup>; thửa 103 xứ đồng Điều Mới diện tích 504m<sup>2</sup>, xứ đồng Đồng Hàn diện tích 132m<sup>2</sup>, tổng diện tích là 2640m<sup>2</sup>. Tại Sổ kê khai của Hợp tác xã nông nghiệp Đức Thượng ghi nhận hộ gia đình ông Tân Âm có 07 khẩu trong đó có 05 lao động; tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự thống nhất trình bày 07 nhân khẩu gồm có cụ Nguyễn Thị Vuốt là mẹ đẻ ông Nguyễn Văn TT, cụ Nguyễn Thị Đàm là mẹ kế ông Nguyễn Văn TT, ông Nguyễn Văn TT, bà Nguyễn Thị Đ, anh Nguyễn Văn T là con trai ông Nguyễn Văn TT, chị Nguyễn Thị p là vợ anh Thứ, anh Nguyễn Văn Ng trong đó 05 lao động gồm có ông Tân, bà Đ, anh Thứ, chị Phương, anh Nghiên. Mỗi lao động được 1 sào 3 thước tương đương 432m<sup>2</sup> đất nông nghiệp, mỗi khẩu được 10 thước tương đương 240m<sup>2</sup>. Như vậy 05 lao động được chia 432 m<sup>2</sup> x 5 = 2160 m<sup>2</sup>; 02 khẩu được chia 240 m<sup>2</sup> x 2 = 480 m<sup>2</sup>. Như vậy hộ gia đình ông Tân được chia 2160 m<sup>2</sup> + 480 m<sup>2</sup> = 2640 m<sup>2</sup> đất nông nghiệp là hoàn toàn trùng khớp với diện tích được ghi nhận trong sổ địa chính

lưu giữ tại xã Đức Thượng, Hoài Đức, Hà Nội. Do đó có căn cứ khẳng định 2640 m<sup>2</sup> đất nông nghiệp được chia cho cả hộ gia đình ông Tân.

Quá trình sử dụng đất nông nghiệp, khi các con lập gia đình, ông Tân bà Đ đã tách ruộng cho các con, do vậy năm 1999 Ủy ban nhân dân huyện Hoài Đức, tỉnh Hà Tây (cũ) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích là 889 m<sup>2</sup>. Do thời gian này vợ chồng ông Tân, bà Đào đang ở cùng gia đình con trai là anh Nguyễn Văn Nghiên, nên có cho một mình anh Nghiên đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp.

Ngày 07/10/2006, vợ chồng ông Tân, bà Đào cùng các con trong đó có vợ chồng anh Nghiên, chị Thọ cùng thống nhất thỏa thuận giao cho anh Nghiên được sử dụng phần diện tích đất nông nghiệp là 432m<sup>2</sup> và bà Đào được giao sử dụng là 457m<sup>2</sup>. Việc thỏa thuận có lập thành văn bản phân định quyền sử dụng đất nông nghiệp thửa số 57, tờ bản đồ số 02 thôn Nhuệ, xã Đức Thượng, huyện Hoài Đức, Hà Nội. Anh Nguyễn Văn Ng thừa nhận có văn bản thỏa thuận giao cho bà Nguyễn Thị Đ được sử dụng diện tích 457 m<sup>2</sup> đất nông nghiệp như trên nhưng chỉ là giao canh tác trồng lúa lấy thóc; tuy nhiên anh lại thừa nhận nếu bà Đ rút đơn khởi kiện anh sẽ trả cho bà 1 khoản tiền trong số tiền bồi thường thu hồi đất, tại phiên tòa phúc thẩm anh Nghiên trình bày sẽ hỗ trợ cho bà Đ số tiền 200.000.000 đ (hai trăm triệu đồng), đồng thời anh Nghiên còn cho rằng, nếu bà Đ về ở cùng vợ chồng anh thì anh sẽ *“lo toàn bộ cho mẹ tôi, tiêu chuẩn của mẹ tôi như thế nào thì vợ chồng tôi sẽ lo cho mẹ tôi như vậy”* (Bút lục số 13). Như vậy có đủ cơ sở khẳng định nội dung phân chia quyền sử dụng thửa đất nông nghiệp số 57, tờ bản đồ số 2 thôn Nhuệ, xã Đức Thượng tại Biên bản lập ngày 07/10/2006 là có thật và được các bên tự nguyện giao kết, thực hiện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội, có xác nhận của chính quyền địa phương và có người làm chứng, nên có căn cứ xác định văn bản thỏa thuận ngày 07/10/2006 có hiệu lực pháp luật. Thực hiện việc phân chia này ngày 04/01/2008 bà Đ cũng đã làm đơn đề nghị Ủy ban nhân dân xã Đức Thượng làm thủ tục tách thửa đất nhưng chưa thực hiện được.

Do vậy, bản án sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đào xin hưởng số tiền bồi thường tương đương diện tích 457 m<sup>2</sup> khi Nhà nước thu hồi là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật.

Theo Thông báo thu hồi đất số 454/TB-UB ngày 07/10/2016 của Ủy ban nhân dân huyện H về việc thu hồi 177.369,9m<sup>2</sup> đất tại xã Đức Thượng để thực hiện dự án đầu tư xây dựng Cảng cạn (ICD) Mỹ Đình tại Đức Thượng, huyện H thì số tiền bà Đ được hưởng được tính như sau:

- Bồi thường về đất:  $457\text{m}^2 \times 162.000\text{đ}/\text{m}^2 = 74.034.000$  đồng
  - Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm:  $457\text{m}^2 \times 810.000\text{đ}/\text{m}^2 = 370.170.000$  đồng
  - Thưởng tiền độ bàn giao mặt bằng:  $457\text{m}^2 \times 3.000\text{đ}/\text{m}^2 = 1.371.000$  đồng
- Tổng số bà Đ được hưởng là : 445.575.000 đồng



Riêng số tiền bồi thường, hỗ trợ về tài sản gắn liền với đất thu hồi (lúa tẻ) là 4.543.000 đồng, do bà Đ không trực tiếp canh tác, sản xuất lúa nên số tiền này cần giao cho vợ chồng anh Nghiên, chị Thọ được hưởng toàn bộ, nên sửa án sơ thẩm về phần này.

Số tiền hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất tại phiên tòa ngày hôm nay người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Đ trình bày bà Đ không yêu cầu nên số tiền này cần giao cho vợ chồng anh Nghiên, chị Thọ được hưởng toàn bộ, nên sửa án sơ thẩm về phần này.

Đối với diện tích 240 m<sup>2</sup> đất nông nghiệp anh Nguyễn Văn Ng đã chuyển nhượng cho ông Nguyễn Phú Dư trong diện tích 889 m<sup>2</sup> đất nông nghiệp năm 2008; tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự không có yêu cầu đề nghị gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Theo Công văn số 191/CV-PTQĐ ngày 21/10/2017 của Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện H, thực hiện Thông báo thu hồi đất số 454/TB-UB ngày 07/10/2016 của Ủy ban nhân dân huyện H về việc thu hồi 177.369,9m<sup>2</sup> đất tại xã Đức Thượng để thực hiện dự án Đầu tư xây dựng Cảng cạn (ICD) Mỹ Đình tại Đức Thượng, huyện H. Trung tâm phát triển quỹ đất phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Đức Thượng, Chủ đầu tư và các cơ quan liên quan thực hiện công tác bồi thường hỗ trợ, GPMB theo quy định của pháp luật: Ngày 08/8/2017, Ủy ban nhân dân huyện H đã ban hành quyết định số 6559/QĐ-UBND về việc thu hồi 649,0m<sup>2</sup> đất nông nghiệp và Quyết định số 6671/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án chi tiết bồi thường hỗ trợ, giải phóng mặt bằng của ông Nguyễn Văn Ng để thực hiện dự án Đầu tư xây dựng Cảng cạn (ICD) Mỹ Đình tại xã Đức Thượng, huyện H. Do các thành viên trong gia đình đang mâu thuẫn nên Ủy ban nhân dân xã Đức Thượng chưa đồng ý chi trả tiền cho hộ ông Nghiên. Số tiền Bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng của hộ ông Nghiên đã được phê duyệt hiện nay vẫn nằm trong tài khoản của Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện H tại Kho bạc Nhà nước huyện H. Do đó, sau khi bà Đ được chấp nhận yêu cầu về xác định khoản tiền bồi thường được hưởng, bà Đ và anh Nghiên có trách nhiệm liên hệ Ủy ban nhân dân xã Đức Thượng và Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện H để nhận tiền bồi thường.

Như vậy anh Nghiên kháng cáo nhưng không đưa ra được các tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình nên không có căn cứ để chấp nhận.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Án phí sơ thẩm: Theo quy định tại Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì những trường hợp được miễn nộp tiền án phí bao gồm:

*“Điều 12. Miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án, lệ phí Tòa án 1. Những trường hợp sau đây được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án*

phí: đ) “... người cao tuổi...” Theo quy định tại Điều 2 Luật Người cao tuổi thì người cao tuổi được xác định như sau: “Người cao tuổi được quy định trong Luật này là công dân Việt Nam từ đủ 60 tuổi trở lên”. Bà Đ sinh năm 1942, năm nay bà Đ 76 tuổi. Như vậy, bà Đ đủ điều kiện được hưởng chế độ của người cao tuổi. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận đơn xin miễn án phí của bà Đ là có căn cứ, hoàn trả cho bà Đào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Anh Nguyễn Văn Nghiên phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Án phí phúc thẩm do sửa án sơ thẩm nên anh Nghiên không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên, căn cứ: Khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự sửa Bản án dân sự sơ thẩm **số 03/2018/DS-ST ngày 13/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện H.**

### **QUYẾT ĐỊNH**

- Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35; Điều 39; Điều 144, Điều 147 và Khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 116, 117, 163, 164, Điều 166 và Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điểm đ Khoản 1 Điều 12; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về tranh chấp quyền sở hữu tài sản của bà Nguyễn Thị Đào đối với anh Nguyễn Văn Nghiên.

**2.** Xác nhận bà Nguyễn Thị Đào được hưởng số tiền bồi thường khi Ủy ban nhân dân huyện H, thành phố Hà Nội thu hồi Thửa đất số 57, tờ bản đồ số 02 Thôn Nh, xã Đg, huyện H, thành phố Hà Nội tương đương diện tích 457m<sup>2</sup> là 445.575.000 đồng (*Bốn trăm bốn mươi lăm triệu, năm trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*). Bà Đ được hưởng số tiền lãi phát sinh từ số tiền nêu trên (nếu có).

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, bà Nguyễn Thị Đào, anh Nguyễn Văn Ng có trách nhiệm liên hệ Ủy ban nhân dân xã Đức Thượng, Ủy ban nhân dân huyện H, thành phố Hà Nội và Chi nhánh Trung tâm Phát triển Quỹ đất huyện H, thành phố Hà Nội để nhận số tiền bồi thường thu hồi đất nêu trên theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án dân sự; thời hiện thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

### **3. Về án phí:**

Anh Nguyễn Văn Nghiên phải chịu 21.823.000 đ (*Hai mươi một triệu tám trăm hai mươi ba nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho anh Nguyễn Văn Nghiên 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại biên lai số AA/2015/0007933 ngày 19/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, thành phố Hà Nội.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Đào 5.000.000 đ (*Năm triệu đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số AA/2015/0007729 ngày 06/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, thành phố Hà Nội.

Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày Tòa tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- VKSNDTP Hà Nội;
- TAND huyện H;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Đinh Như Lâm**